TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2021/HC-PT
Ngày: 07/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Nguyễn Huyền Cường;

Ông Phạm Văn Tuyển.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 259/2020/TLPT-HC ngày 08 tháng 4 năm 2020 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai", do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2019/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9558/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

**** Người khởi kiện:*** Cụ Đào Thị T, sinh năm 1927; địa chỉ: Thôn N, xã KL, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 179 phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

- Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1956; địa chỉ: Phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

Đều có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Giáp Văn Ơ - Phó Chủ tịch; vắng mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 179 phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn TP, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1956; địa chỉ: Phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt tại phiên tòa.

4. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1967; địa chỉ: TH, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt tại phiên tòa.

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn N, xã KL, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Luật sư Nguyễn Hồng Q– Công ty luật TNHH Hà Việt, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

6. Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã KL, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt tại phiên tòa.

7. Chị Nguyễn Thị NA, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Trước, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt tại phiên tòa.

8. Chị Nguyễn Thị HA, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Non, xã KL, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt tại phiên tòa.

9. Ủy ban nhân dân xã KL, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Chủ tịch; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2019, đơn đề nghị, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện cụ Đào Thị T trình bày:

Cụ đề nghị Tòa án hủy giấy chúng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/12/2003, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00011 QSDĐ/2797/QĐ-CT-H cho hộ ông Nguyễn Trọng T, đối với diện tích 1163m^2 tại địa chỉ thôn N, xã KL, huyện L.

Căn cứ người khởi kiện đưa ra là:

Cụ Đào Thị T và cụ Nguyễn Trọng Ng là vợ chồng (cụ Ng sinh năm 1923, đã mất năm 2000), hai cụ sinh được 6 người con là: Nguyễn Trọng K, sinh năm 1949 (chết năm 1978); Nguyễn Trọng H, sinh năm 1952; Nguyễn Thị S, sinh năm 1954; Nguyễn Trọng B, sinh năm 1956; Nguyễn Trọng T, sinh năm 1962; Nguyễn Thị V, sinh năm 1967.

Nguồn gốc diện tích 1163m^2 đất tại thôn N, xã KL, huyện L là của các cụ trong gia đình để lại cho cụ Ng; hai cụ sinh sống và làm nhà ở từ trước đến nay không có tranh chấp với ai. Năm 2000 cụ Ng mất không để lại di chúc; cụ vẫn quản lý và sử dụng nhà đất đó và ở cùng vợ chồng ông T, bà T. Đến năm 2018 khi cụ dự định xây nhà thờ họ thì phát hiện thửa đất đã được cấp giấy chứng

nhận mang tên con trai cụ là Nguyễn Trọng T mà cụ không hề biết. Cụ đã ra Ủy ban nhân dân xã KL xin phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho rằng quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm. Nay cụ T khởi kiện vụ án ra Tòa án đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện L có văn bản trình bày ngày 23/7/2019:

Căn cứ để ban hành quyết định số 2797/QĐ-CT ngày 22/12/2003 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Nguyễn Trọng T là: Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 01/12/1998 và ngày 29/6/2001; Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng Cục địa chính; Chỉ thị số 10/1998/CT-TTg ngày 20/02/1998 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 18/1999/CT-TTg ngày 01/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cho hộ ông (bà) Nguyễn Trọng T: Ủy ban nhân dân huyện xác định chưa tìm thấy hồ sơ.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện L: Năm 2003 trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Nguyễn Trọng T được thực hiện theo Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng Cục địa chính. Cụ thể việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất do chủ hộ đại diện hoặc người đại diện do chủ hộ ủy quyền để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, theo sổ hộ khẩu năm 1997, hộ của gia đình ông T thì ông T là chủ hộ gia đình. Vì vậy ông T kê khai đăng ký quyền sử dụng đất là đúng quy định. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Trọng T là đúng quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 118/UBND-TNMT ngày 30/9/2019, Ủy ban nhân dân huyện L trình bày: Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Nguyễn Trọng T hiện chỉ còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản phô tô) và quyết định số 2797/QĐ-CT ngày 22/12/2003 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Nguyễn Trọng T, không tìm thấy và xác định đã bị thất lạc hoặc bị mối xông nên không còn hồ sơ.

Tại phiên họp đối thoại, Ủy ban nhân dân huyện L xác định: Hộ ông Nguyễn Trọng T gồm: Ông Nguyễn Trọng T chủ hộ, các thành viên trong hộ gồm: Cụ Đào Thị T, bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Trọng Đ, chị Nguyễn Thị NA và chị Nguyễn Thị HA.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà kết hôn với ông Nguyễn Trọng T năm 1990. Sau khi cưới, bà về nhà ông T làm dâu và sinh sống trên diện tích đất hiện cụ T đang khiếu kiện. Do các anh chị em của ông T ra ở riêng, nên bà và ông T ở cùng cụ Nguyên và cụ T. Vợ chồng bà đã xây dựng, vun đắp trên mảnh đất 1163m^2.

Năm 2003 Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông bà Nguyễn Trọng T là đúng quy định. Từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà và gia đình đã chấp hành các chính sách pháp luật của địa phương. Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ T bà không đồng ý.

Anh Nguyễn Trọng Đ, chị Nguyễn Thị NA trình bày: Nhất trí với ý kiến của bà T và xác định Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình là đúng.

Ủy ban nhân dân xã KL trình bày: Nguồn gốc đất là của cụ Nguyên và cụ T sử dụng từ trước, sau khi cụ Nguyên mất thì cụ T cùng gia đình ông T sử dụng đất. Ông T đã đứng ra kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình. Năm 2003 Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Trọng T là đúng quy định.

Các ông bà Nguyễn Trọng H, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị V trình bày: Nhất trí yêu cầu khởi kiện của cụ T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự giữ nguyên ý kiến như trình bày ở trên, ngoài ra còn trình bày bổ sung như sau:

Ông Nguyễn Trọng B và ông Nguyễn Trọng H trình bày: Các ông là hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ng, cụ Ng mất không để lại di chúc cho đất ông T, việc ông T tự ý làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ T và các thành viên gia đình là con cụ T không hề biết. Khoảng cuối năm 2018 thì các ông mới biết, ông Hội và ông Bàn xác định diện tích đất 1163m^2 là của cụ Nguyên và cụ T. Bà T, ông T và các con bà T không có quyền sử dụng đất. Cụ Nguyên và cụ T cũng chưa bao giờ có văn bản cho đất ông T và bà T. Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông ông T là không đúng với Luật đất đai năm 1993.

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà về nhà cụ T làm dâu năm 1990, khi về làm dâu thì đã có nhà, đất; bà cũng không rõ nguồn gốc đất, khi đó cụ T đã nói cho bà và ông T đất. Trong quá trình sinh sống, các anh chị em ông T xây dựng gia đình và ra ở riêng hết, bà và ông T ở cùng cụ T và cụ Ng. Cụ Ng mất không để lại di chúc. Việc Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông ông T là đúng quy định. Bà nhất trí văn bản trình bày của Ủy ban nhân dân huyện L. Khi con trai bà là anh Đ xây dựng gia đình, cụ T cũng nói cho cháu Đại tất cả. Hiện tại bà và anh Đ đã xây nhà trên đất. Việc cụ T khởi kiện bà không đồng ý.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2019/HC-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; khoản 1, 3 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 204 Luật đất đai; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Đào Thị T.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/12/2003, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00011 QSDĐ/2797/QĐ-CT-H cho hộ ông (bà) Nguyễn Trọng T, đối với diện tích 1163m^2 tại địa chỉ thôn N, xã KL, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Hủy một phần quyết định số 2797/QĐ-CT ngày 22/12/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L v/v cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho 237 hộ gia đình, cá nhân ở xã KL (hủy phần có liên quan đến nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/12/2003, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00011 QSDĐ/2797/QĐ-CT-H cho hộ ông (bà) Nguyễn Trọng T, đối với diện tích 1163m^2 tại địa chỉ thôn N, xã KL, huyện L).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/11/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, không thay đổi bổ sung kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Nguyễn Thị T nêu quan điểm:

Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, thẩm định đối với đất có tranh chấp để xác định, định giá quyền sử dụng đất là vi phạm.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T được cấp từ năm 2003, hàng năm vợ chồng ông T đều xây dựng thêm các công trình, đều làm nghĩa vụ đối với đất đó; năm 2017 khi anh Đ xây nhà thì cụ T cũng như một số thành viên trong gia đình cụ T còn hỗ trợ cả về tinh thần, vật chất nên xác định họ phải biết việc hộ ông T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; mãi đến nay cụ T mới đi khởi kiện là đã hết thời hiệu. Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết là vi phạm.

Tòa án sơ thẩm nhận định Ủy ban nhân dân huyện L khi cấp giấy không có hồ sơ là vi phạm về thủ tục khi cấp giấy là không đúng vì công văn của Ủy ban huyện xác định là có hồ sơ nhưng chưa tìm thấy. Cụ T và cụ Nguyên còn có con là ông Nguyễn Trọng K đã chết năm 1978 nhưng còn có vợ, con. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ con ông K vào tham gia tố tụng với tư cách là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng là thiếu sót.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2003 là cấp cho hộ ông T trong đó có cả cụ T chứ không phải chỉ cấp cho mình ông T. Giấy ủy quyền của cụ T cho ông Hội và ông Bàn lập tại thị trấn Đ nhưng lại được xác nhận tại Ủy ban nhân dân xã KL mà vẫn được tòa án sơ thẩm chấp nhận tư cách ủy quyền là không đúng. Do đó đề nghị hủy bản án sơ thẩm đề giải quyết lại.

Ngoài ra về công sức và quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông T, bà T đã sử dụng đất ổn định, lâu dài; có nhiều công sức tôn tạo, chăm sóc nuôi dưỡng cụ

Nguyên, cụ T; xây dựng nhiều công trình và được cụ T nói cho đất. Vì vậy đề nghị công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa kết luận:

Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận toàn bộ đất đó là của cụ Ng và cụ T; cụ Ng chết năm 2000 không để lại di chúc.

Cụ T sống cùng vợ chồng ông T; năm 2003 ông T tự kê khai xin và Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T khi không có ý kiến đồng ý của cụ T và các đồng thừa kế của cụ Nguyên là không đúng. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó là có căn cứ, đúng quy định. Nay không có tài liệu gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L, ủy ban nhân dân xã KL vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt họ.

Kháng cáo của bà Nguyễn Thị T đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 37/2019/HC-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang là hợp lệ được chấp nhận để xét.

Tại phiên tòa không có ai xuất trình thêm tài liệu gì mới.

[2.] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T về việc không đồng ý với bản án hành chính sơ thẩm đã hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00011 QSDĐ/2797/QĐ-CT-H của Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/12/20 cho hộ ông Nguyễn Trọng T, đối với diện tích 1163m^2 tại địa chỉ thôn N, xã KL, huyện L, tỉnh Bắc Giang và quyết định hành chính số 2797/QĐ- CT ngày 22/12/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L v/v cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho 237 hộ gia đình, cá nhân ở xã KL có liên quan đến diện tích 1163m^2 đất của gia đình bà.

Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận toàn bộ 1163m^2 đất tại địa chỉ thôn N, xã KL, huyện L, tỉnh Bắc Giang là của cụ Ng và cụ T. Trên đất có ngôi nhà 5 gian và công trình khác của vợ chồng cụ T. Ông T là một trong các người con của cụ Ng và cụ T; năm 1990 ông T kết hôn với bà T; vợ chồng sống chung hai cụ trên nhà đất đó.

Cụ Ng chết năm 2000 không để lại di chúc; như vậy theo Bộ luật dân sự năm 1995 và Luật đất đai năm 1993 thì đã phát sinh quyền thừa kế đối với di sản là phần quyền sử dụng đất của cụ Ng; cụ T là vợ tiếp tục quản lý và có quyền đối với khối tài sản là nhà và đất này. Việc ông T tự kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ đất đó mà không có ý kiến ủy quyền hoặc đồng ý của cụ T và các đồng thừa kế khác của cụ Ng là không đúng quy định. Tuy ông T lúc đó là chủ hộ, nhưng việc Ủy ban nhân dân xã KL xác nhận và Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã ra quyết định và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ 1163m^2 đất đó cho hộ ông T là vi phạm quy định của Bộ luật dân sự và Luật đất đai như đã nêu trên; hơn nữa hiện nay Ủy ban nhân dân huyện L cũng không xuất trình được hồ sơ kê khai, xét duyệt và cấp giấy chứng nhận đó; không có tài liệu về việc đã giao giấy chứng nhận cho ông T hoặc cụ T từ thời điểm cấp giấy nên việc cụ T mới biết về giấy chứng nhận đã cấp cho ông T và khởi kiện vụ án hành chính vào năm 2018 là trong thời hiệu. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T và anh Đại còn thừa nhận đến năm 2017 thì anh Đ mới dỡ can nhà 05 gian của cụ Ng, cụ T đi để xây nhà kiên cố như hiện nay. Tuy cụ T không phản đối việc anh Đại xây nhà nhưng từ đó cụ T mới biết về việc Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T từ năm 2003 và đã khởi kiện. Do vậy lập luận của luật sư bảo vệ cho bà Nguyễn Thị T là vợ của ông T tại phiên tòa về quyền sử dụng đất của ông T và bà T là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Do đó Tại bản án sơ thẩm số 37/2019/HC-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã chấp nhận đơn khởi kiện của cụ T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00011 QSDĐ/2797/QĐ-CT-H của Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/12/20 cho hộ ông Nguyễn Trọng T, đối với diện tích 1163m^2 tại địa chỉ thôn N, xã KL, huyện L, tỉnh Bắc Giang và một phần quyết định quyết định hành chính số 2797/QĐ- CT ngày 22/12/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L là có căn cứ.

Ông T đã chết, nay bà T là vợ ông T và là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không có tài liệu gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên các quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 37/2019/HC-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang;*
- *Cục THADS tỉnh Bắc Giang;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Đông

CÁC THẨM PHÁN

Nguyễn Huyền Cường

Phạm Văn Tuyển

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Đông